

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 7 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Sơn
2. Ông Mai Văn Ba

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Linh Phương - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V**

Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T- Chức vụ: Giám đốc V1 chi nhánh Đ1, ông Nguyễn Mạnh S, ông Lê Đăng H, ông Nguyễn Bá T1, ông Trần Đình L và ông Đoàn Thanh T2- Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, theo Giấy ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và giấy ủy quyền số 456/2024/UQ-VPB ngày 02/02/2024 của Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ. Địa chỉ liên hệ: Tầng D, A P, quận H, thành phố Đà Nẵng- Ông H có mặt;

**2. Bị đơn:** - Ông **Phạm Minh Đ**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt;

- Bà **Nguyễn Thị Thu S1**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Tổ I, Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2024, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V- CN Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 ngày 14/10/2019 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay 455.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng; mục đích sử dụng vốn thanh toán tiền mua Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 L, sản xuất 2019, mới 100%; Mục đích: phục vụ đi lại. Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân 7.9%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% nợ trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên gồm:

Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886; biển kiểm soát: 43A-496.77; chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082538 do Phòng C, Công an T3 cấp ngày 10/10/2019 đứng tên Phạm Minh Đ. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 ngày 14/10/2019. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã chuyển quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ quá hạn.

Tính đến ngày 26/7/2024, ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là: nợ gốc 274.241.862 đồng; nợ lãi 69.484.166 đồng; lãi chậm trả 3.719.687 đồng. Tổng cộng: 347.445.715 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 26/7/2024 là: nợ gốc 274.241.862 đồng; nợ lãi 69.484.166 đồng; lãi chậm trả 3.719.687 đồng. Tổng cộng: 347.445.715 đồng.

2. Yêu cầu ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên: khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng TMCP V có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V, cụ thể như sau:

Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886; biển kiểm soát: 43A-496.77; Chứng nhận đăng ký Xe Ô tô số 082538 do Phòng C, Công an T3 cấp ngày 10/10/2019 đứng tên Phạm Minh Đ. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 ngày 14/10/2019 việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng yêu cầu ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 trả lại cho Ngân hàng TMCP V.

\* Bị đơn ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã được tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng cả hai đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP ., phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 26/7/2024 là 347.445.715 đồng; trong đó nợ gốc 274.241.862 đồng; nợ lãi 69.484.166 đồng; lãi chậm trả 3.719.687 đồng. Ông Đ, bà S1 có trách nhiệm thanh toán khóa lãi từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Trường hợp ông Đ và bà S1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê

biên, xử lý tài sản đã thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 43A-496.77; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886, đứng tên ông Phạm Minh Đ;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu vay tiền để thanh toán tiền mua xe ô tô nên ngày 14/10/2019 Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã ký hợp đồng tín dụng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 với số tiền vay 455.000.000 đồng; mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô; thời hạn vay 96 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trả vào ngày 01/11 hàng tháng; lãi suất vay cho vay năm đầu tiên 7,9%/năm;

Để đảm bảo cho các khoản nợ vay trên ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã thế chấp tài sản là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 43A-496.77; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886; màu sơn: đỏ; số loại: Model code. 315G AT; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082538 do Phòng C Công an thành phố T3 cấp ngày 10/10/2019 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP V đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 nhưng ông Đ và bà S1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình mà đã vi phạm các cam kết về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; kể từ khi vay đến nay ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 302.096.359 đồng, trong đó tiền gốc là 180.758.138 đồng và tiền lãi là 121.338.221 đồng. Mặc dù Ngân hàng TMCP V đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn kể từ ngày 05/9/2023, tổng số tiền ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 còn nợ

347.445.715 đồng; trong đó nợ gốc 274.241.862 đồng; nợ lãi 69.484.166 đồng; lãi chậm trả 3.719.687 đồng.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 26/7/2024, tổng số tiền ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 còn nợ 347.445.715 đồng; trong đó nợ gốc 274.241.862 đồng; nợ lãi 69.484.166 đồng; lãi chậm trả 3.719.687 đồng.

Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/7/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Nếu ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 không trả số tiền trên cho Ngân hàng TMCP V thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Xét thấy, việc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 đã vi phạm cam kết trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V nên đã gây thiệt hại cho Ngân hàng TMCP V. Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 trả nợ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, xét cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 43A-496.77; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886; màu sơn: đỏ; số loại: Model code. 315G AT; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082538 do Phòng C Công an thành phố T3 cấp ngày 10/10/2019 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh Đ, Tòa án đã ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, bị đơn ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 không hợp tác còn đại diện của nguyên đơn cũng không biết ông Đ, bà S1 đang sử dụng ở đâu nên ngày 04/6/2024 Tòa án lập biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không được nên căn cứ vào hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 ngày 14/10/2019 để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 là có căn cứ.

[4] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 ngày 14/10/2019, tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 43A-496.77; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886; màu sơn: đỏ; số loại: Model code. 315G AT; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082538 do Phòng C Công an thành phố T3 cấp ngày 10/10/2019 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh Đ.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng, bị đơn phải chịu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch là 5% của phần giá trị tài sản có tranh chấp.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470, 299, 303, 322 Bộ luật dân sự. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP V đối với ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1.

**Tuyên xử:** Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ của các hợp đồng cho vay tính đến ngày 26/7/2024 là 347.445.715 đồng; trong đó nợ gốc 274.241.862 đồng; nợ lãi 69.484.166 đồng; lãi chậm trả 3.719.687 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 27/7/2024) ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 43A-496.77; số khung: 4AA6KM006317; số máy: P520563886; màu sơn: đỏ; số loại: 3 15G AT; dung tích: 1496; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082538 do Phòng C Công an thành phố T3 cấp ngày 10/10/2019 đứng tên ông Phạm Minh Đ. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1910041742578 ngày 14/10/2019 được xử lý theo quy định tại Điều 299, 303 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

Buộc ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 trả lại cho Ngân hàng TMCP V chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng.

Sau khi ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho ông Đ, bà S1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082538 do Phòng C Công an T3 cấp ngày 10/10/2019.

Án phí dân sự sơ thẩm: 17.372.285 đồng, ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu S1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.308.000 đồng, theo biên lai thu số 0001696 ngày 11/4/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Lâm**